

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 27/04/2018

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllshare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bản niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

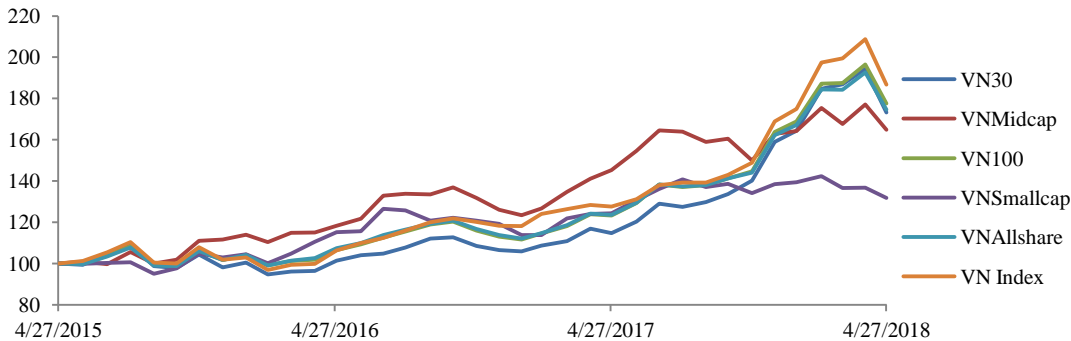
Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Chuẩn phân ngành

Các cổ phiếu thành phần bộ chỉ số được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Tăng trưởng chỉ số từ 27/04/2015 đến 27/04/2018



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 27/04/2015

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2014	2015	2016	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	9.45%	4.21%	7.46%	-9.30%	-5.26%	21.21%	41.38%	74.63%	107.78%	20.42%	15.75%
VN30	7.02%	-1.01%	5.48%	-10.85%	-6.20%	23.61%	51.06%	73.31%	91.30%	20.12%	13.85%
VNMidcap	20.42%	17.19%	8.24%	-6.98%	-6.04%	9.95%	13.41%	64.82%	149.28%	18.12%	20.04%
VN100	8.49%	4.38%	7.00%	-9.62%	-5.12%	22.74%	44.11%	77.65%	108.23%	21.11%	15.80%
VNSmallcap	26.64%	2.18%	8.94%	-3.59%	-7.44%	-1.70%	5.99%	31.79%	100.96%	9.64%	14.98%
VN Index	8.12%	6.13%	14.82%	-10.58%	-5.41%	25.44%	46.33%	86.75%	121.34%	23.15%	17.22%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	11.54%	13.84%	15.24%	23.74%	31.66%
VN30	12.63%	15.44%	17.01%	26.58%	34.48%
VNMidcap	11.12%	12.90%	14.99%	22.90%	31.50%
VN100	11.94%	14.33%	15.76%	24.47%	32.31%
VNSmallcap	7.67%	9.28%	11.61%	20.03%	31.41%
VN Index	13.72%	16.01%	17.11%	27.20%	35.03%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	97.27%	96.90%	95.36%	93.92%	94.04%
VN30	97.49%	97.03%	95.58%	93.82%	93.98%
VNMidcap	83.66%	78.10%	72.96%	76.10%	78.10%
VN100	97.40%	97.06%	95.52%	94.04%	94.22%
VNSmallcap	79.13%	70.62%	63.44%	67.74%	69.81%

Đặc điểm chỉ số

	243	30	70	100	143
Số lượng cổ phiếu thành phần					
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,478,674	2,143,718	257,279	2,400,997	77,677
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	799,776	631,627	131,276	762,903	36,873
Trung bình	3,291	21,054	1,875	7,629	258
Cao nhất	134,242	134,242	12,940	134,242	1,148
Thấp nhất	25	2,182	259	259	25
Trung vị	420	10,420	1,180	1,986	165
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	16.78%	21.25%	9.86%	17.60%	3.11%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	60.22%	76.25%	43.95%	63.13%	22.41%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

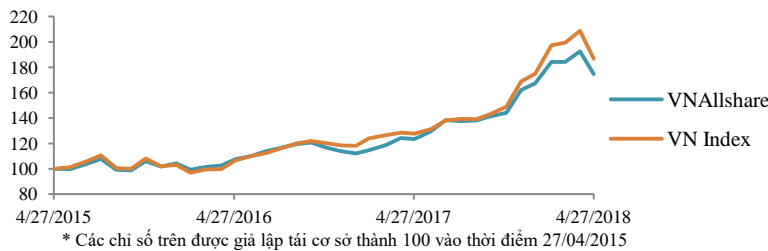
Đặc điểm chỉ số

	243
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,478,674
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	799,776
Trung bình	3,291
Cao nhất	134,242
Thấp nhất	25
Trung vị	420
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	16.78%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	60.22%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 27/04/2015 đến 27/04/2018



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	11.54%	13.84%	15.24%	23.74%	31.66%

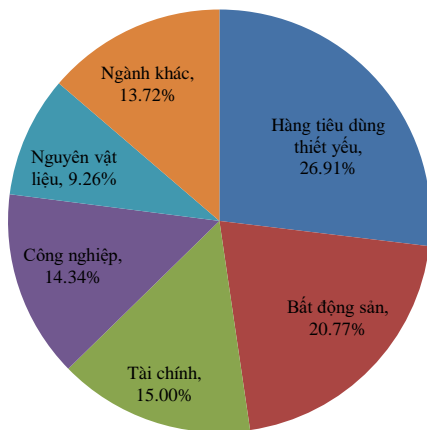
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	97.27%	96.90%	95.36%	93.92%	94.04%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2014	2015	2016	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	9.45%	4.21%	7.46%	-9.30%	-5.26%	21.21%	41.38%	74.63%	107.78%	20.42%	15.75%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	134,242	16.78%
2	VIC	Bất động sản	99,705	12.47%
3	HPG	Nguyên vật liệu	48,965	6.12%
4	VJC	Công nghiệp	42,201	5.28%
5	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	38,463	4.81%
6	MBB	Tài chính	29,856	3.73%
7	FPT	Công nghệ thông tin	22,695	2.84%
8	STB	Tài chính	22,483	2.81%
9	VCB	Tài chính	21,587	2.70%
10	MWG	Hàng tiêu dùng	21,408	2.68%
	Tổng cộng		481,604	60.22%

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Hàng tiêu dùng thiết yếu	24	215,201	26.91%
Bất động sản	30	166,122	20.77%
Tài chính	18	119,954	15.00%
Công nghiệp	72	114,676	14.34%
Nguyên vật liệu	40	74,067	9.26%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNIAllshare.

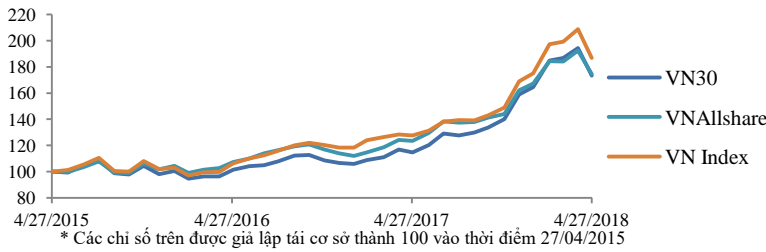
Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,143,718
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	631,627
Trung bình	21,054
Cao nhất	134,242
Thấp nhất	2,182
Trung vị	10,420
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	21.25%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	76.25%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
 Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN30: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 27/04/2015 đến 27/04/2018



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	12.63%	15.44%	17.01%	26.58%	34.48%

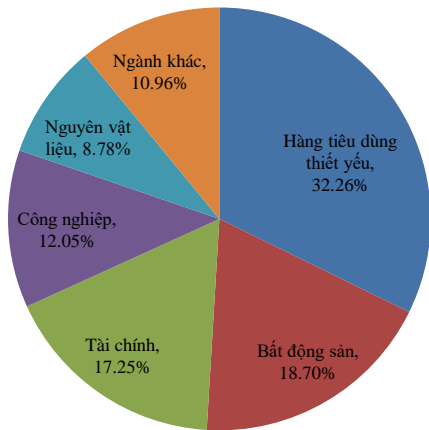
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	97.49%	97.03%	95.58%	93.82%	93.98%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2014	2015	2016	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	7.02%	-1.01%	5.48%	-10.85%	-6.20%	23.61%	51.06%	73.31%	91.30%	20.12%	13.85%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	134,242	21.25%
2	VIC	Bất động sản	99,705	15.79%
3	HPG	Nguyên vật liệu	48,965	7.75%
4	VJC	Công nghiệp	42,201	6.68%
5	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	38,463	6.09%
6	MBB	Tài chính	29,856	4.73%
7	FPT	Công nghệ thông tin	22,695	3.59%
8	STB	Tài chính	22,483	3.56%
9	VCB	Tài chính	21,587	3.42%
10	MWG	Hàng tiêu dùng	21,408	3.39%
	Tổng cộng		481,604	76.25%

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5	203,747	32.26%
Bất động sản	2	118,108	18.70%
Tài chính	7	108,962	17.25%
Công nghiệp	7	76,118	12.05%
Nguyên vật liệu	3	55,472	8.78%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNIAllshare" và "VNIAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

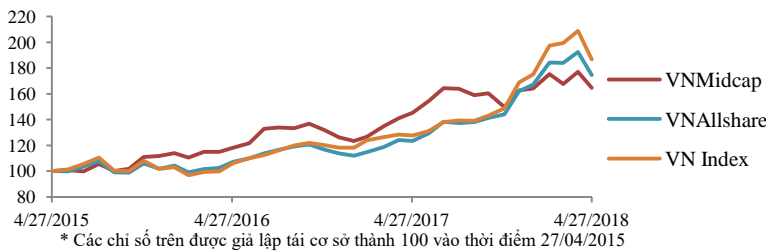
Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	257,279
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	131,276
Trung bình	1,875
Cao nhất	12,940
Thấp nhất	259
Trung vị	1,180
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	9.86%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	43.95%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 27/04/2015 đến 27/04/2018



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	11.12%	12.90%	14.99%	22.90%	31.50%

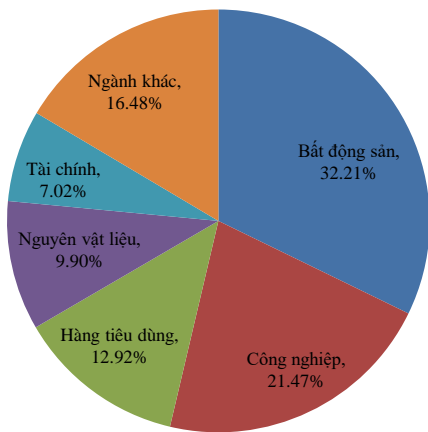
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	83.66%	78.10%	72.96%	76.10%	78.10%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2014	2015	2016	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	20.42%	17.19%	8.24%	-6.98%	-6.04%	9.95%	13.41%	64.82%	149.28%	18.12%	20.04%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	PNJ	Hàng tiêu dùng	12,940	9.86%
2	KDH	Bất động sản	8,494	6.47%
3	DXG	Bất động sản	7,475	5.69%
4	TCH	Công nghiệp	5,207	3.97%
5	KBC	Bất động sản	4,686	3.57%
6	DIG	Công nghiệp	4,020	3.06%
7	HBC	Công nghiệp	3,896	2.97%
8	NLG	Bất động sản	3,736	2.85%
9	HCM	Tài chính	3,706	2.82%
10	PDR	Bất động sản	3,538	2.69%
	Tổng cộng		57,696	43.95%

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Bất động sản	14	42,285	32.21%
Công nghiệp	18	28,185	21.47%
Hàng tiêu dùng	5	16,964	12.92%
Nguyên vật liệu	12	12,995	9.90%
Tài chính	6	9,214	7.02%

Lưu ý: "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

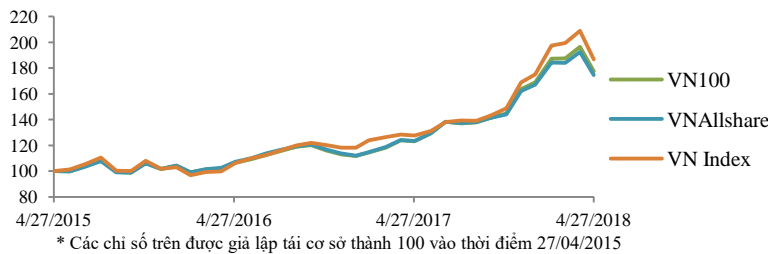


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,400,997
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	762,903
Trung bình	7,629
Cao nhất	134,242
Thấp nhất	259
Trung vị	1,986
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	17.60%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	63.13%

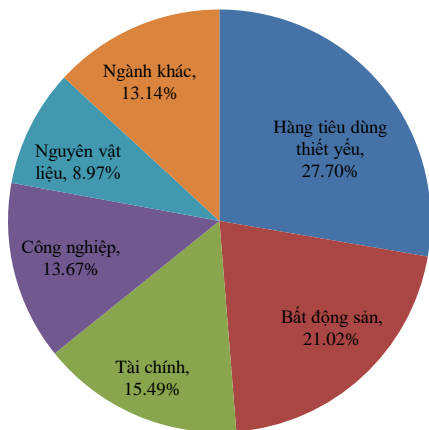
Tăng trưởng chỉ số từ 27/04/2015 đến 27/04/2018



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)							Tăng trưởng bình quân năm (%)			
	2014	2015	2016	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN100	8.49%	4.38%	7.00%	-9.62%	-5.12%	22.74%	44.11%	77.65%	108.23%	21.11%	15.80%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Hàng tiêu dùng thiết yếu	10	211,308	27.70%
Bất động sản	16	160,394	21.02%
Tài chính	13	118,176	15.49%
Công nghiệp	25	104,303	13.67%
Nguyên vật liệu	15	68,466	8.97%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN100: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)
 - VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	11.94%	14.33%	15.76%	24.47%	32.31%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	97.40%	97.06%	95.52%	94.04%	94.22%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	134,242	17.60%
2	VIC	Bất động sản	99,705	13.07%
3	HPG	Nguyên vật liệu	48,965	6.42%
4	VJC	Công nghiệp	42,201	5.53%
5	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	38,463	5.04%
6	MBB	Tài chính	29,856	3.91%
7	FPT	Công nghệ thông tin	22,695	2.97%
8	STB	Tài chính	22,483	2.95%
9	VCB	Tài chính	21,587	2.83%
10	MWG	Hàng tiêu dùng	21,408	2.81%
	Tổng cộng		481,604	63.13%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAIshare.

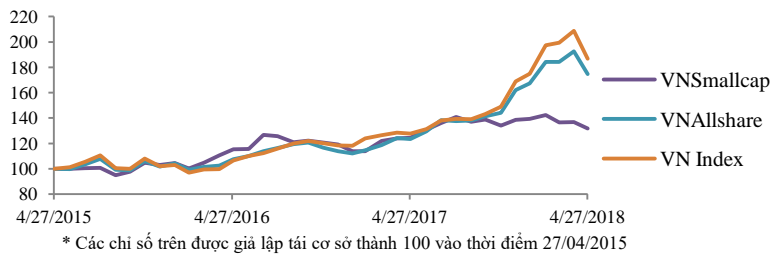
Đặc điểm chỉ số

	143
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	77,677
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	36,873
Trung bình	258
Cao nhất	1,148
Thấp nhất	25
Trung vị	165
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	3.11%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	22.41%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 27/04/2015 đến 27/04/2018



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	7.67%	9.28%	11.61%	20.03%	31.41%

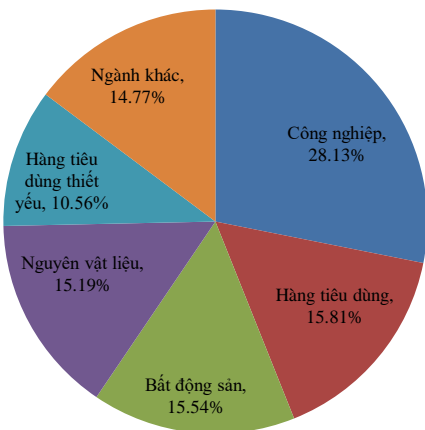
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	79.13%	70.62%	63.44%	67.74%	69.81%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)							Tăng trưởng bình quân năm (%)			
	2014	2015	2016	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNSmallcap	26.64%	2.18%	8.94%	-3.59%	-7.44%	-1.70%	5.99%	31.79%	100.96%	9.64%	14.98%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	IDI	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1,148	3.11%
2	TDH	Bất động sản	1,043	2.83%
3	ANV	Hàng tiêu dùng thiết yếu	894	2.42%
4	FTS	Tài chính	847	2.30%
5	ITC	Bất động sản	759	2.06%
6	DHC	Nguyên vật liệu	757	2.05%
7	DLG	Công nghiệp	734	1.99%
8	LCG	Công nghiệp	707	1.92%
9	SVC	Hàng tiêu dùng	698	1.89%
10	PET	Công nghiệp	675	1.83%
	Tổng cộng		8,263	22.41%

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	47	10,373	28.13%
Hàng tiêu dùng	20	5,831	15.81%
Bất động sản	14	5,729	15.54%
Nguyên vật liệu	25	5,600	15.19%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	14	3,893	10.56%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAIshare" và "VNAIshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

